TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 531/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2020
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Mai.
2. Bà Châu Thị Lệ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1459/2019/HNST ngày 23 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị T, sinh năm 1961 (vắng mặt).
Địa chỉ: số 24 đường T, tổ 18, phường M, thành phố Y, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Lê Mộng T, sinh năm 1938 (vắng mặt).
Địa chỉ: số 637/37/33 đường Q, Phường A, quận G, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Hà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Mộng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 221, quyển số 02/2014, do Uỷ ban nhân dân phường 11, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 05/11/2014.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, bà và ông T chỉ chung sống với nhau được 01 tháng từ khi kết hôn tại địa chỉ: số 24 đường T, tổ 18, phường M, thành phố Y, tỉnh B. Sau đó, ông T đã bỏ đi và chung sống với nhiều

phụ nữ khác. Vì không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hiện tại bà và ông T đã sống ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bà T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày nêu trên.

Bị đơn ông Lê Mộng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không có mặt tại Tòa án, không có ý kiến gì.

Những nội dung thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình chung sống bà T và ông T chung sống tại số 24 đường Thành Trung, tổ 18, phường Minh Tân, thành phố Yên bái, tỉnh Yên Bái. Theo kết quả trả lời xác minh của Uỷ ban nhân dân phường Minh Tân, thành phố Yên bái, tỉnh Yên Bái về việc xác minh tình trạng hôn nhân của bà Hà Thị T v ông Lê Mộng T thì bà Hà Thị T v ông Lê Mộng T hiện tại không sinh sống cùng nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Hà Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Mộng T, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét bị đơn ông Lê Mộng T cư trú tại quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Hà Thị T và Lê Mộng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử theo quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Hà Thị T và Lê Mộng T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị T và Lê Mộng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 221, quyển số 02/2014, do Uỷ ban nhân dân phường 11, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 05/11/2014, nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bà T và ông T chỉ ở với nhau được 01 tháng từ khi kết hôn. Sau đó, ông T đã bỏ đi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại bà T và ông T không còn chung sống với nhau, vấn đề này cũng đã được Uỷ ban nhân dân phường Minh Tân, thành phố Yên bái, tỉnh Yên Bái ghi nhận tại kết quả trả lời xác minh Công văn số 39/TAQGV ngày 20/02/2020.

Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các thủ tục hòa giải, xét xử ông Lê Mộng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, không có lý do chính đáng, không có ý kiến đã thể hiện ông không quan tâm hàn gắn gia đình. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị T phải chịu án phí theo mức án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 203; khoản 3 Điều 208; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1, Điều 51; Điều 54; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Các Điều 2; 6; 7; 9; 26 và 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị T được ly hôn với ông Lê Mộng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 221, quyển số 02/2014, do Uỷ ban nhân dân phường 11, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 05/11/2014 hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0001902 ngày 23/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Quận Gò Vấp;
- UBND phường 11, Quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Anh Đức